

THÔNG TƯ SỐ 33/2023/TT-BTC

Quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu

*(Thay thế Thông tư 38/2018/TT-BTC, 62/2019/TT-BTC,
47/2020/TT-BTC và 07/2021/TT-BTC)*

Tháng 7/2023

CÁC VĂN BẢN DƯỚI ĐÂY HẾT HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY 15.7.2023



a) Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Thông tư số 47/2020/TT-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và hình thức chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng trong giai đoạn dịch viêm đường hô hấp cấp gây ra bởi virus Corona;

d) Thông tư số 07/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu.

NỘI DUNG BÀI GIỚI THIỆU



1

Sự cần thiết, mục tiêu ban hành Thông tư

2

Mục tiêu, nguyên tắc xây dựng

3

Kết cấu Thông tư

1. Sự cần thiết, mục tiêu ban hành Thông tư:

- Hợp nhất các nội dung kiểm tra, xác định xuất xứ tại các Thông tư nhằm tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện.
- Khắc phục vướng mắc, bất cập như: khai, nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ; sử dụng thông báo xác định trước xuất xứ, nộp bổ sung C/O sau thông quan, nộp C/O đối với hàng hoá thay đổi mục đích sử dụng, thời điểm nộp C/O....
- Cách thức quản lý chứng từ tự chứng nhận xuất xứ theo **mã REX** (EVFTA), **mã EORI** (UKVFTA), **mã CE** (ATIGA sửa đổi và RCEP) do các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP,... chưa được ký kết, triển khai nên chưa có hướng dẫn tại Thông tư số 38/2018/TT-BTC.

1. Sự cần thiết, mục tiêu ban hành Thông tư:

- Áp dụng các phương thức quản lý mới phù hợp với xu hướng tạo thuận lợi thương mại: sử dụng chứng từ điện tử thay thế cho chứng từ giấy; thay đổi hình thức nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (nộp qua hệ thống V5, nộp bản sao,...); áp dụng bảo lãnh cho hàng hóa nợ; chậm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ.
- Pháp lý hoá các hướng dẫn của Bộ Tài chính về thời điểm nộp C/O, trừ lùi C/O để đảm bảo căn cứ pháp lý khi thực hiện (như công văn số 4141/TCHQ-GSQL ngày 23/8/2021, 2669/TCHQ-GSQL ngày 31/5/2021).

2. KẾT CẤU CỦA THÔNG TƯ SỐ 33/2023/TT-BTC:

Thông tư gồm 05 Chương và 23 Điều:

- ✓ **Chương 1:** Quy định chung (2 Điều từ Điều 1-2)
- ✓ **Chương 2: Xác định trước xuất xứ hàng hóa** (2 Điều từ Điều 3-4)
- ✓ **Chương 3:** Khai, nộp, kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (5 Điều từ Điều 5-đến Điều 9)
- ✓ **Chương 4:** Khai, nộp, kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hóa nhập khẩu (13 Điều từ Điều 10-22)
- ✓ **Chương 5:** Điều khoản thi hành (Điều 23).

3. NỘI DUNG CHI TIẾT



3.1. Xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

- Điều 3. Hồ sơ đề nghị xác định trước xuất xứ
- Điều 4. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị xác định trước xuất xứ

Tại Chương 2 - Hồ sơ xác định trước xuất xứ hàng hóa XK, NK (Điều 3-4)

Căn cứ pháp lý về xác định trước xuất xứ:

Điều 28 Luật Hải quan:

*"1. Trong trường hợp người khai HQ đề nghị cơ quan HQ xác định trước mã số, **xuất xứ**, trị giá HQ đối với HH dự kiến XK, NK, người khai HQ cung cấp thông tin, chứng từ liên quan, mẫu HH dự kiến XK, NK cho cơ quan HQ để xác định trước mã số, **xuất xứ**, trị giá HQ.*

*2. Cơ quan HQ căn cứ quy định của pháp luật về phân loại hàng hóa, **xuất xứ**, trị giá HQ và các thông tin, chứng từ liên quan do người khai HQ cung cấp để xác định trước mã số, **xuất xứ**, trị giá HQ và có VBTB cho người khai HQ biết kết quả xác định trước.*

4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước có giá trị pháp lý để cơ quan HQ làm thủ tục HQ khi hàng hóa thực XK, NK phù hợp với thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa mà người khai HQ đã cung cấp."

VƯỚNG MẮC HIỆN NAY

Quy định tại TT 38/2015/TT-BTC:

- **Điều 3** Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định về hồ sơ đề nghị xác định trước xuất xứ.
- Doanh nghiệp **không nộp hồ sơ** xác định trước xuất xứ trong thời gian qua

Nguyên nhân: tại thời điểm NK, mặc dù đã được cơ quan hải quan xác định trước xuất xứ nhưng trong trường hợp theo quy định phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ thì người khai HQ vẫn phải nộp CTCNXX kèm **Thông báo kết quả xác định trước xuất xứ.**

**THEO LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG: THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH
TRƯỚC XUẤT XỨ KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH LÀ CTCNXXHH**



Do vậy, tại Thông tư 33/2023/TT-BTC quy định:

- Tổ chức, cá nhân không được sử dụng TBKQXĐTXX để làm thủ tục HQ đối với lô hàng XK, NK có thông tin giống hệt với thông tin tại hồ sơ đề nghị xác định trước XX.
- Việc khai TBKQXĐTXX : K2 Điều 5 (HHXK); K2 Đ11 (HH NK).
- CQHQ kiểm tra, đối chiếu TBKQXĐTXX trong quá trình kiểm tra CTCNXXHH : K1 Đ6 (HH XK); K9 Đ15 (HH NK).

3.2. Quy định về khai, nộp, kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hoá xuất khẩu

Tại Chương 3: Khai, nộp, kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hoá xuất khẩu (từ Điều 5 – 9)

Bổ sung hướng dẫn về khai, nộp chứng từ chứng nhận xuất hàng hoá Xuất khẩu

Nội dung kế thừa TT 38

Giữ nguyên các nội dung quy định **kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ đối với hàng hoá XK** tại Chương III Thông tư 38/2015/TT-BTC (các Điều từ 8-12)

Trên cơ sở:

- Các nội dung hướng dẫn về mẫu tờ khai HQ tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC;
- CV của TCHQ hướng dẫn Nghị định số 111/2021/NĐ-CP;

=> Bổ sung Điều 5 về khai, nộp CTCNXX hàng hoá XK (Pháp lý hóa CV 1523/BTC năm 2021)

Điều 5: Khai, nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu



Khai xuất xứ HH tại ô **"mô tả hàng hóa"** trên tờ khai XK điện tử theo mẫu số 2 Phụ lục I TT 39/2018/TT-BTC theo cấu trúc :

- a. Đáp ứng xuất xứ Việt Nam: **"mô tả hàng hóa#&VN"**.
- b. Xuất xứ nước khác: **"mô tả hàng hóa#& (mã nước xuất xứ của hàng hóa)"**.
- c. không xác định được xuất xứ: **"mô tả hàng hóa#&KXĐ"**

Trường hợp khai tờ khai hải quan giấy: khai xuất xứ HH XK tại ô **"xuất xứ" trên tờ khai HQ giấy theo mẫu HQ/2015/XK Phụ lục IV TT 38/2015/TT-BTC.**

Điều 5: Khai, nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (tiếp theo)

2. **Trường hợp đã được cấp văn bản TBKQXĐTXX:** khai số, ngày, thời hạn hiệu lực của VB tại ô **"giấy phép"** trên tờ khai XK điện tử mẫu số 02 Phụ lục II hoặc tờ khai HQ giấy theo mẫu HQ/2015/XK Phụ lục IV TTư 38/2015/TT-BTC;
3. **Khi làm thủ tục HQ hàng hóa XK,** người khai HQ **không phải nộp CTCNXXHH** cho cơ quan HQ. Trường hợp người khai HQ đề nghị nộp CTCNXXHH hoặc VBTBKQXĐTXX, cơ quan HQ tiếp nhận và kiểm tra theo Điều 6-9 Thông tư này.

Điều 6: Kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu

Kiểm tra, xác định Xuất xứ

Kiểm tra:

- **Nội dung khai của người khai;**
- **VBTBKQXĐTXX (nếu có);**
- **Chứng từ thuộc hồ sơ HQ và kết quả kiểm tra thực tế HH (nếu có).**

Chi cục Hải quan

- a) XĐ XXHH phù hợp với nội dung khai thì chấp nhận XXHH;
- b) Có đủ căn cứ xác định XXHH không đúng theo nội dung khai thì xử lý theo quy định, yêu cầu khai bổ sung....
- c) Có cơ sở nghi ngờ XXHH XK hoặc có thông tin cảnh báo về gian lận XX thì:
 - + KT thực tế theo mức độ do CCT quyết định;
 - + DN Nộp TL để chứng minh XXHH.

Điều 6: Kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (tiếp)

Chi cục Hải quan

d) Có cơ sở nghi ngờ tính xác thực của CTCNXXHH hoặc tính chính xác của các thông tin l/q đến XXHH => **đề xuất Cục HQ xác minh tại cq cấp hoặc KT tại cơ sở sản xuất theo Đ7, Đ8.**

e) Người khai tự CNXXHH XK, hoặc không nộp được CTCNXXHH theo thời hạn, hoặc cung cấp không đủ cơ sở để xác định XXHH => **đề xuất Cục HQ KT tại cơ sở sản xuất theo Đ8.**

Thông quan trong quá trình KT

g) Trong khi chờ kết quả kiểm tra, xác minh xuất xứ, hàng hóa xuất khẩu được thực hiện thủ tục hải quan, thông quan theo quy định.

3.3. Hình thức của chứng từ chứng nhận xuất xứ đối với hàng hoá nhập khẩu

Điều 10. Nộp Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng Nhập khẩu:

1. Các trường hợp người khai HQ phải nộp CTCNXX:

- a) Muốn được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt đối với hàng hoá theo các FTA;
- b) Phải có CTCNXX để chứng minh hàng hoá được nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không thuộc danh sách bị cấm vận của LHQ;
- c) Hàng hóa thuộc Danh mục tại Phụ lục V Thông tư 33/2023/TT-BCT
- d) Hàng hoá thuộc Danh mục theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo các biện pháp phòng vệ thương mại;

Chương 4: Khai, nộp, kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ hàng hoá nhập khẩu (từ Điều 10 – 22)

Vướng mắc tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC:

- ✓ Quy định về hình thức chứng từ chứng nhận xuất xứ (CTCNXX) nhưng chủ yếu để áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu theo các FTA để hưởng ưu đãi thuế, như tại điểm a Khoản 1 Điều 4 TT38: a) C/O: 01 bản chính "ORIGINAL"; hoặc: b) CT tự CNXX: 01 bản chính;
- ✓ Đối với trường hợp khác chỉ quy định nộp 01 bản chính mà không xác định là C/O nào (**C/O ưu đãi hay không ưu đãi**).

(i) Hình thức của Chứng từ chứng nhận XX (Khoản 4 Điều 10)

- a) Đối với hàng hóa hưởng TSƯĐTB theo FTA:** nộp giấy CNXXHH hoặc Chứng từ tự chứng nhận XXHH cho cơ quan HQ theo quy định của FTA tương ứng.

- b) Đối với hàng hóa (Hội đồng bảo an LHQ; PL V; nguy hại sức khỏe, cộng đồng; biện pháp của BCT):** nộp CTCNXXHH theo điểm a hoặc CTCNXXHH không ưu đãi do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước XK phát hành đáp ứng các thông tin tối thiểu quy định tại **khoản 3 Điều 15.**

(ii) Hình thức nộp Chứng từ chứng nhận XX (Khoản 4 Điều 12)

Quy định tại TT 47/2020

- a) **Trường hợp áp dụng ưu đãi đặc biệt:** C/O sử dụng chữ ký và con dấu điện tử hoặc Bản chụp/bản scan C/O; Cq có thẩm quyền nước XK cung cấp trang thông tin điện tử để tra cứu C/O hoặc phương thức tra cứu khác về C/O;
- b) **Trường hợp khác:** Chấp nhận bản chụp/bản scan C/O để TQ.
DN phải nộp lại 01 bản chính C/O trong 180 ngày kể từ ngày đăng ký TKHQ.

K4 Điều 12 TT 33/2023/TT-BTC

CTCNXX nộp cho CQ HQ dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc CT giấy chuyển đổi sang CT điện tử (bản scan có xác nhận bằng chữ ký số) thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử HQ theo K7 Đ1 TT 39/2018/TT-BTC *(DN không phải nộp khi cấp trên Cổng ASEAN hoặc trên trang TTĐT theo T/b của cq có thẩm quyền nước XK, nhưng phải khai theo Đ11).*

Trường hợp khai tờ khai HQ bản giấy, nộp một (01) bản chụp CTCNXX có xác nhận của người khai.

3.4. Từ chối tiếp nhận Chứng từ chứng nhận xuất xứ (Điều 14)

ĐIỂM MỚI

- ❑ Không quy định bắt buộc phải khai nợ/chậm trên tờ khai mà người khai hải quan có thể nộp bổ sung CTCNXX trong thời hạn quy định.
- ❑ Do bãi bỏ quy định v/v phải khai báo chậm nộp cho các TH nộp sau thông quan => bãi bỏ K3 Đ1 TT 62/2019/TT-BTC v/v CQ HQ từ chối tiếp nhận CTCNXX bổ sung trong trường hợp DN không khai báo nợ trên TK.

Điều 14 TT 33/2023/TT-BTC

CQ HQ từ chối trong trường hợp:

- 1.** Người khai HQ nộp bổ sung CTCNXXHH quá thời hạn quy định tại Điều 12.
- 2.** Hàng hóa NK được cơ quan có thẩm quyền cấp CTCNXXHH của nước XK thông báo về việc hủy CTCNXXHH hoặc không đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo quy định của nước xuất khẩu.

3.5. Thời điểm nộp Chứng từ chứng nhận XX hàng nhập khẩu (Điều 12)



Vướng mắc tại TT 38/2018 (Điều 7):

a) Áp dụng ưu đãi thuế theo FTA (điểm a K1 Đ4): nộp CTCNXX trong 30 ngày; mẫu VK (KV) trong 01 năm; mẫu EVFTA, UKVFTA trong 02 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai HQ. Mẫu EAV nộp tại thời điểm làm thủ tục HQ.

b) Trường hợp khác: nộp tại thời điểm làm thủ tục HQ và không được chậm nộp.

⇔ **Không phù hợp** với trường hợp mặt hàng đang ở thời điểm áp dụng **biện pháp phòng vệ thương mại** theo quy định của BCT nhưng DN chưa có CTCNXX, phải nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất để thông quan hàng hoá.



3.5. Thời điểm nộp Chứng từ chứng nhận XX hàng nhập khẩu (Điều 12)

NỘI DUNG GIỮ NGUYÊN TT 38

Nộp tại thời điểm làm thủ tục HQ, đối với:

- a) Hàng hóa tuân thủ Nghị quyết hội đồng bảo an LHQ;
- b) Hàng hóa có nguy cơ gây hại sức khỏe theo Phụ lục V.

Điều 12 TT 33/2023/TT-BTC

- a) **HH áp dụng TSƯĐDB theo FTA : 01 năm**, riêng mẫu EVFTA, UKVFTA **trong 02 năm; có áp dụng bảo lãnh thuế;**
- b) **HH áp dụng phòng vệ thương mại:** nộp tại thời điểm làm TTHQ. Nếu chưa có được chậm nộp **30 ngày** nhưng **phải được bảo lãnh thuế.**

4.6. Áp dụng bảo lãnh thuế đối với các trường hợp chậm nộp (K1,3 Điều 12):

Trường hợp chưa có CTCNXX tại thời điểm làm TTHQ:

- a) **HH ưu đãi thuế theo FTA:** áp dụng thuế suất MFN/TS thông thường và thông quan. Nếu được **tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế chênh lệch** thì áp dụng TS ưu đãi đặc biệt và thông quan (điểm b.1-gạch đầu dòng thứ nhất khoản 1 Điều 12).
- b) **HH áp dụng phòng vệ thương mại:** áp dụng thuế theo biện pháp PVTM do Bộ CT quy định. Nếu được **tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp** thì chấp nhận mức TS theo khai báo của người khai và thông quan (điểm b.1-gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Điều 12).

Cơ sở PL: Điều 9 Luật Thuế XNK quy định về áp dụng BL số thuế phải nộp, tối đa 30 ngày kể từ ngày đăng ký TKHQ, chỉ các tổ chức tín dụng, NHTM được phép tham gia BL.

3.6. Áp dụng bảo lãnh thuế đối với trường hợp chậm nộp (Khoản 1, 3 Điều 12)

Trường hợp chưa có CTCNXX tại thời điểm làm TTHQ:

- a) HH ưu đãi thuế theo FTA:** áp dụng thuế suất MFN/TS thông thường và thông quan. Nếu được **tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế chênh lệch** thì áp dụng TS ưu đãi đặc biệt và thông quan (điểm b.1 - *gạch đầu dòng thứ nhất* khoản 1 Điều 12).
- b) HH áp dụng phòng vệ thương mại:** áp dụng thuế theo biện pháp PVTM do Bộ CT quy định. Nếu được **tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp** thì chấp nhận mức TS theo khai báo của người khai và thông quan (điểm b.1 - *gạch đầu dòng thứ nhất* khoản 3 Điều 12).

Cơ sở PL: Điều 9 Luật Thuế XNK quy định về áp dụng BL số thuế phải nộp, tối đa 30 ngày kể từ ngày đăng ký TKHQ, chỉ các tổ chức tín dụng, NHTM được phép tham gia BL.

Áp dụng bảo lãnh thuế đối với các trường hợp xác minh (K7 Điều 19)

7. Trong thời gian chờ kết quả xác minh, người khai hải quan nộp thuế theo mức thuế suất quy định tại điểm b.1-gạch đầu dòng thứ nhất khoản 1 và điểm b.1-gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Điều 12 Thông tư này. Trường hợp xác minh xuất xứ hàng hóa trong quá trình kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành hoặc kiểm tra hải quan thì trong thời gian chờ kết quả xác minh, hàng hóa được áp dụng mức thuế suất nhập khẩu theo mức thuế suất đã áp dụng tại thời điểm làm thủ tục hải quan.

Cơ sở PL: Điều 9 Luật Thuế XNK quy định về áp dụng BL số thuế phải nộp, tối đa 30 ngày kể từ ngày đăng ký TKHQ, chỉ các tổ chức tín dụng, NHTM được phép tham gia BL.

3.7. Nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ trong các trường hợp đặc biệt (**Điều 13**)

1. Tại thời điểm đăng ký TKHQ, nếu DN chưa nộp CTCNXX được bổ sung để xem xét áp dụng TSƯĐDB trong các trường hợp:

a) Thay đổi mục đích sử dụng: Hàng hóa NK thuộc đối tượng không chịu thuế/miễn thuế/áp dụng thuế theo HNTQ đã TQ **sau đó thay đổi** về đối tượng không chịu thuế/mục đích được miễn thuế, xét miễn thuế; áp dụng theo HNTQ; HH là nguyên liệu để gia công, SXXK, TNTX đã TQ sau đó chuyển mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa;

b) Thay đổi mã số hàng hóa: CQ HQ hoặc DN phát hiện thay đổi về mã số dẫn đến thay đổi về thuế so với thời điểm làm TTHQ;

c) Từ hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư chuyển sang hàng hóa không thuộc đối tượng ƯĐĐT (CQ HQ hoặc DN phát hiện).

GIẢI QUYẾT VƯỚNG MẮC

QUY ĐỊNH TẠI TT 38/2018

- DN đã nộp CTCNXX tại t/đ đăng ký TK ban đầu: CQHQ kiểm tra, xác định XX, đối chiếu với kết quả KT, xác định XX tại thời điểm làm thủ tục NK ban đầu để áp dụng mức TSƯĐDB; HH phải chưa tham gia vào quá trình SX, chế biến;
- Trường hợp chưa nộp, DN được nộp bổ sung CTCNXX trong thời hạn hiệu lực để xem xét áp dụng mức TSƯĐDB.

Điều 13 TT 33/2023/TT-BTC

- * Bỏ quy định việc HH phải chưa được tham gia vào quá trình SX, chế biến.

(G/q vướng mắc: nguyên liệu sau khi SX, tạo thành SP nhưng do không tìm được thị trường XK, phải chuyển tiêu thụ trong nước nhưng không được hưởng ưu đãi do nguyên liệu đã đưa vào SX, không còn nguyên trạng so với ban đầu (vải đã SX thành quần áo,...))

THỜI ĐIỂM NỘP BỔ SUNG CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA (Điều 13)

2. Đối với HH thay đổi mục đích sử dụng tại điểm a khoản 1 Điều 13: Tại thời điểm đăng ký TKHQ mới phải áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại: DN khai, nộp bổ sung thuế theo biện pháp PVTM.

3. Thời điểm nộp bổ sung CTCNXX:

- a. Đối với HH tại điểm a K1 Đ13: là thời điểm làm thủ tục thay đổi mục đích sử dụng.
- b. Đối với HH tại điểm b,c K1 Đ13: 5 ngày làm việc kể từ ngày CQ HQ ban hành kết luận KT.

CTCNXXHH nộp bổ sung còn hiệu lực tại thời điểm làm thủ tục hải quan ban đầu trừ trường hợp có quy định khác tại FTA (áp dụng a, b, c)

3.8. KIỂM TRA CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA (ĐIỀU 15)

Kế thừa, bổ sung:

- Về cơ bản kế thừa các nội dung kiểm tra CTCNXX tại TT38;
- Bổ sung:
 - + Cách thức kiểm tra đối với các loại CTCNXX: C/O ưu đãi; chứng từ tự CNXX; C/O không ưu đãi; VBTBKQXĐTXX.
 - + Xử lý từ chối CTCNXX đối với mẫu CPTPP.

1. Kiểm tra Giấy CNXXHH hàng hóa nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ƯĐDB (FTA) (**Điều 15**)

TRA CỨU ĐIỆN TỬ

Trường hợp CTCNXX được cấp trên Cổng NSW, một cửa ASEAN hoặc trang TT điện tử do CQ có thẩm quyền nước XK thông báo thì CQ HQ kiểm tra tính hợp lệ CTCNXX Cổng NSW, một cửa ASEAN hoặc trang TT điện tử để xác định TSƯĐ theo quy định.

Khoản 1 Điều 15 TT 33/2023/TT-BTC

CQ HQ căn cứ quy tắc XXHH theo từng FTA tại **Thông tư hướng dẫn của Bộ Công Thương**, kiểm tra, đối chiếu với các thông tin khai báo trên C/O, các chứng từ trong bộ hồ sơ HQ và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) để xác định tính hợp lệ của C/O.

2. CHỨNG TỪ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

TRA CỨU ĐIỆN TỬ

Trường hợp **Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ** mà FTA **có trang thông tin điện tử** để kiểm tra, đối chiếu thì CQHQ kiểm tra mã số nhà XK đủ điều kiện cấp CTTCNXX với trang TT điện tử để xác định tính hợp lệ của CTTCNXX.

Khoản 2 Điều 15 TT 33/2023/TT-BTC

CQ HQ căn cứ quy định của từng FTA theo TT h/d của BCT để kiểm tra, đối chiếu với các thông tin khai báo trên CTTCNXX, các chứng từ trong bộ hồ sơ HQ và kết quả KT thực tế (nếu có) để xác định tính hợp lệ của C/O. Riêng CTTCNXX trong CPTPP phải có đủ thông tin tối thiểu theo Phụ lục VI Thông tư.

3. Hàng hóa nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không có thỏa thuận ƯĐĐB

Khoản 3 Điều 15 TT 33

Kiểm tra việc đầy đủ các tiêu chí:

- a) Người XK;
- b) Người NK;
- c) Phương tiện vận tải;
- d) Mô tả HH, mã số HH;
- đ) Số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng HH;
- e) Nước/nhóm nước/vùng lãnh thổ XX HH;
- g) Ngày/tháng/năm cấp Giấy CNXXHH;
- h) Chữ ký của người có thẩm quyền, cơ quan có thẩm quyền cấp C/O.

TRA CỨU ĐIỆN TỬ

Trường hợp C/O được cấp điện tử thì cơ quan hải quan kiểm tra tính hợp lệ của C/O trên trang thông tin điện tử hoặc phương thức khác thể hiện trên C/O.

4. Từ chối chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa không hợp lệ và xử lý (**Khoản 4 Điều 15**)

Nếu cơ quan hải quan có đủ cơ sở xác định CTCNXXHH không hợp lệ hoặc người XK, người sản xuất không phối hợp kiểm tra xác minh xuất xứ theo quy định tại điểm c K1 Đ21 thì từ chối và xử lý như sau:

- **Đối với HH tại điểm a K1 Đ10:** HH phải áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi hoặc thuế suất thông thường và được thông quan;
- **Đối với HH tại điểm b, c K1 Đ10:** HH không được thông quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật;
- **Đối với HH tại điểm d K1 Đ10:** HH phải áp dụng mức thuế theo các biện pháp do Bộ Công Thương quyết định và được thông quan.

5. Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Điều 15)



- **Khoản 5 Điều 15:** Người khai HQ nộp CTCNXX cấp cho cả lô hàng nhưng chỉ NK một phần lô hàng thì CQ HQ chấp nhận CTCNXX đối với phần HH thực NK; nếu NK bổ sung phù hợp với lượng hàng trên CTCNXX thì HQ chấp nhận.
- **Khoản 6 Điều 15:** Số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng thực tế HH NK vượt quá số lượng, trọng lượng/khối lượng HH ghi trên CTCNXX, CQ HQ chỉ chấp nhận cho hưởng ưu đãi đối với phần hàng phù hợp với số lượng, trọng lượng/khối lượng trên CTCNXX. Đ/v phần hàng vượt quá nếu nộp bổ sung CTCNXX trong thời hạn hiệu lực của CTCNXX, phù hợp với lượng hàng trên CTCNXX thì HQ chấp nhận.

5. Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Điều 15)

- **Khoản 7 Điều 15:** Đối với hóa đơn TM do bên thứ ba phát hành, CQ HQ kiểm tra, đối chiếu các thông tin các thông tin về tên, nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ của công ty phát hành HĐ bên thứ ba trên CTCNXX và HĐ thương mại để xác định sự phù hợp, hợp lệ theo quy định tại FTA.
- **Khoản 8 Điều 15:** Sai sót nhỏ hoặc khác biệt nhỏ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của CTCNXX: CQ HQ chấp nhận CTCNXX trong t/h có sai sót nhỏ hoặc khác biệt nhỏ (được quy định cụ thể tại K8) giữa nội dung khai trên CTCNXX với các chứng từ khác thuộc hồ sơ HQ nếu những sai sót, khác biệt này phù hợp với thực tế HH NK (riêng nội dung **"sự khác biệt mã số HS trên chứng từ chứng nhận xuất xứ và mã số HS trên TKHQ"** được quy định tại Điều 16)

Điều 16. Xử lý khi có sự khác biệt mã số



ĐIỀU	Tiêu chí XX trên CTCNXX	Tiêu chí XX trên TK Hải quan (*)	Ghi chú	HQ quyết định
K1 Đ16	WO		Sự khác biệt về HS không ảnh hưởng	Chấp nhận
K2 Đ16	PE hoặc RVC 100%	Tiêu chí khác WO	Sự khác biệt về HS không ảnh hưởng	Chấp nhận
		Tiêu chí WO	HH không đáp ứng tiêu chí XX	Từ chối
K3 Đ16	SP	SP	Sự khác biệt về HS không ảnh hưởng	Chấp nhận
		Tiêu chí khác SP		Xác minh tính hợp lệ CTCNXX
K4 Đ16	CTC	CTC	Người khai cung cấp chứng từ c/m hoặc HQ tự xác định	Chấp nhận
	RVC	RVC		
K5 Đ16	RVC	CTC		Xác minh tính hợp lệ CTCNXX
	CTC	RVC		
	SP	CTC hoặc RVC		

3.9. Trừ lùi Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Điều 22)

Quy định tại Điều 23 Thông tư 38/2018/TT-BTC:

“Trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Trường hợp một lô hàng đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để NK vào nội địa nhiều lần thì được sử dụng C/O để lập Phiếu theo dõi trừ lùi cho từng lần NK vào nội địa và được áp dụng trừ lùi tại nhiều Chi cục HQ khác nhau....

5. Trường hợp lô hàng đăng ký tờ khai một lần theo quy định tại Điều 93 TT số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 60 Điều 1 TT số 39/2018/TT-BTC, người khai HQ được sử dụng C/O để theo dõi trừ lùi cho từng lần NK vào nội địa.”

(TT38 chưa hướng dẫn đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa giống hệt, cùng hợp đồng mua bán nhưng nhập khẩu làm nhiều lần khác nhau)

Điều 22 Thông tư 33/2023/TT-BTC:

Trường hợp một lô hàng đưa từ kho ngoại quan vào nội địa để nhập khẩu nhiều lần hoặc lô hàng có chung hợp đồng, hóa đơn thương mại nhưng nhập khẩu nhiều lần, nhiều chuyến thì được sử dụng chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa để lập Phiếu theo dõi trừ lùi theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư này cho từng lần nhập khẩu.

Pháp lý hóa hướng dẫn tại công văn số 4141/TCHQ-GSQL về việc áp dụng trừ lùi cho hàng hóa mua bán theo hợp đồng



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

CÔNG TY TNHH VNG LOGISTICS

Tầng 18, Vincom Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. HCM

Email: info@vnglogistics.vn

Hotline: 0946.200.899